

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

NGUYỄN DU VÀ NGUYỄN BÌNH: NÉT RIÊNG TRONG SÁNG TẠO ẨN DỤ Ý NIỆM “TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ” TRẦN VĂN NAM*

TÓM TẮT: Nguyễn Du và Nguyễn Bình là hai nhà thơ với hai phong cách thơ khác nhau. Tuy nhiên, tư duy sáng tạo thơ ca của hai nhà thơ lại gặp nhau khi cùng sáng tạo ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ. Bài viết này tìm hiểu về quá trình vận dụng các thuộc tính của sợi tơ cũng như lựa chọn các thuộc tính chiếu xạ để tạo lập ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ của hai nhà thơ. Từ đó, người đọc thấy được một số nét tương đồng và khác biệt về phong cách sáng tác của hai nhà thơ.

TỪ KHÓA: ẩn dụ ý niệm; tình yêu; nhà thơ; sợi tơ; Nguyễn Du; Nguyễn Bình.

NHẬN BÀI: 18/04/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 22/05/2025

1. Mở đầu

Ẩn dụ ý niệm là sản phẩm của tư duy nhân loại cho nên nó mang tính phổ quát. Các nhà ngôn ngữ học tri nhận chỉ ra rằng, ẩn dụ ý niệm chịu sự chi phối sâu sắc của văn hóa truyền thống với các cộng đồng diễn ngôn riêng biệt. Tình cảm được coi là lĩnh vực trừu tượng nhất trong đời sống con người, là sự trải nghiệm tâm sinh lý phức tạp trong tâm thức của một cá nhân khi tương tác với những ảnh hưởng sinh hóa bên trong cơ thể và môi trường xung quanh. Nó là một phần của tư duy trí tuệ, tình cảm có những tác động mạnh mẽ đến sự nhận thức và hành vi của cá nhân con người, và nó cũng có mối liên hệ chặt chẽ đến sự trải nghiệm của cơ thể con người.

Với một số cộng đồng người, tình cảm được ý niệm hóa theo lối hướng bụng, hướng tim. Chẳng hạn, để biểu hiện những rung động tình cảm, trong tiếng Anh thường bắt gặp biểu đạt ngôn từ có yếu tố chỉ “trái tim” bởi trong cách tri nhận của người Anh, “heart” (tim) được xem là bộ phận gắn liền với tình cảm rõ rệt nhất, mỗi rung động tình cảm đều được phản ánh qua trái tim, ví dụ: *a heart of gold; broken heart; break someone's heart...* trong khi đó, khi thể hiện các phạm trù chỉ tình cảm, người Việt hết sức coi trọng việc lấy các bộ phận nằm trong “bụng” như: *lòng, dạ, ruột, gan, mật...* để biểu đạt các ý niệm tình cảm, điều này thể hiện rất rõ qua việc sử dụng từ ngữ chỉ các bộ phận này để “mã hóa” các ý niệm tình cảm cơ bản. Ví dụ: *tắm lòng vàng; ruột rời như tơ vò; đau lòng đứt ruột*, vui như mở cờ trong *bụng, ruột gan* rời như tơ vò,...

Đối với người Việt Nam, cơ sở tri nhận “nghịệm thân” liên quan đến các bộ phận nội tạng có lẽ là bắt nguồn từ quan niệm cho rằng “bụng” với “không gian rộng rãi” hơn cho phép nó có thể co giãn một cách năng động hơn, các bộ phận trong “bụng” đều ở dạng “mềm”, cũng tương ứng với đặc tính “mềm” của tình cảm. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đức Tồn (2015) cho rằng: “theo quan niệm dân gian, “bụng” là nơi “định vị” hay chứa đựng trí tuệ con người và là bộ phận biết tính toán và suy nghĩ”, do vậy người Việt thường nghĩ bụng, định bụng... và đôi khi suy xét và cảm nhận mọi vấn đề đều theo phương thức rất đơn giản cứ ung cái bụng là được”. “Bụng” (“lòng”/“dạ”) được xem như là nơi “sâu kín” hơn để người Việt có thể gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình vào trong đó. Mọi chuyện tình cảm nếu như không muốn cho ai biết thì có thể “chôn chặt tận đáy lòng” hay “sống để dạ chết mang theo”, hoặc khi bối rối trong tình cảm thì chính là ở vào trạng thái rối lòng, tơ lòng... Còn nếu khi đã tường tận rõ tâm địa của ai đó thì cũng giống như đã “đi guốc trong bụng” người ta rồi, mặc dù tâm địa là thứ vô hình, không thể nhìn thấy được. Cách nhận thức này là cơ sở hình thành kiểu ẩn dụ ý niệm được ý niệm hóa theo lối hướng bụng, hướng tim. TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ là một trong những ví dụ tiêu biểu cho cách thức ý niệm hóa này. Bởi vì qua hình tượng sợi tơ ta hiểu được tình yêu của con người giống như sợi tơ được rút ra từ bụng con tằm.

Nguyễn Du và Nguyễn Bình là hai nhà thơ xuất hiện ở hai thời đại khác nhau với hai phong cách

*TS; Đại học Phenikaa; Email: nam.tranvan@phenikaa-uni.edu.vn

thơ khác nhau. Với Nguyễn Du cả đời tác giả để lại một tác phẩm thơ tình đó là Truyện Kiều. Đây là một tác phẩm có dung lượng đồ sộ và có giá trị rất lớn về nhiều mặt, đặc biệt là giá trị nhân văn. Với Nguyễn Bính, ông là nhà thơ tình của thời đại mới với phong cách thơ dân dã, mộc mạc, giàu chất lãng mạn. Trong các sáng tác của ông có sự xuất hiện của hình ảnh sợi tơ tình. Điều này trở thành điểm gặp gỡ về tư duy sáng tạo thơ ca giữa ông và đại thi hào Nguyễn Du. Bài viết này chỉ ra nét riêng trong quá trình sử dụng hình ảnh sợi tơ để tạo nên ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ của hai nhà thơ Nguyễn Du và Nguyễn Bính.

2. Nội dung

Các nhà ngôn ngữ học tri nhận chỉ ra rằng, ẩn dụ thi ca phần lớn là sự mở rộng của hệ thống tư duy ẩn dụ truyền thống thường ngày của chúng ta. Vì thế, việc hiểu các ẩn dụ trong thi ca cũng như hiểu các ẩn dụ ý niệm trong thi ca dựa trên nền tảng ẩn dụ trong giao tiếp hàng ngày. Trong *Metaphor: A practical introduction* (Kövecses, 2010, tr.47-50), chỉ ra các cơ chế tạo thành ẩn dụ ý niệm trong thi ca dựa trên các ẩn dụ thường quy đó là: *Mở rộng, trau chuốt, đặt câu hỏi, kết hợp, nhân hoá*.

Trong sáng tác của mình, cả hai nhà thơ Nguyễn Du và Xuân Diệu cùng sử dụng hai cơ chế *trau chuốt, kết hợp* để tạo lập ẩn dụ ý niệm. Tuy nhiên, giữa hai nhà thơ lại có những nét riêng khi sử dụng các cơ chế này để tạo nên ẩn dụ ý niệm mang chất riêng của họ. Chính điều này cũng tạo nên sự khác biệt trong quá trình lựa chọn các thuộc được tính chiếu xạ từ miền nguồn SỢI TƠ đến miền đích TÌNH YÊU.

2.1. Các cơ chế tạo lập ẩn dụ ý niệm

2.1.1. Cơ chế trau chuốt

Trau chuốt là cách thức tác giả sử dụng: “*Một số yếu tố sẵn có của miền nguồn được tập trung mở rộng ra theo chiều sâu và mang lại cách nhìn mới mẻ, khác với cách nhìn truyền thống*” (Kövecses, 2010, tr.47-50). Hai nhà thơ Nguyễn Du và Nguyễn Bính đều sử dụng cơ chế này để tạo lập ẩn dụ ý niệm trong sáng tác của mình.

Trong quá trình sáng tác thơ ca, cả hai nhà thơ đã dùng tài năng của mình để vận dụng một cách hiệu quả nhất các thuộc tính của miền nguồn SỢI TƠ nhằm biểu đạt tốt nhất sự đa dạng của miền đích TÌNH YÊU. Các thuộc tính của miền nguồn SỢI TƠ được hai tác giả sử dụng để cụ thể hoá các trạng thái biểu hiện của TÌNH YÊU được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Các thuộc tính của sợi tơ xuất hiện trong Truyện Kiều và thơ Nguyễn Bính

STT	Thuộc tính của sợi tơ	Truyện Kiều		Thơ Nguyễn Bính	
		Số lượng/32	Tỉ lệ %	Số lượng/31	Tỉ lệ %
1	dễ kết dính	20	62,5	21	67,7
2	vật chất	06	18,8	08	25,8
3	dễ đứt đoạn	05	15,6	02	6,5
4	độ chín	01	3,1	0	0
Tổng		32	100	31	100

Qua bảng thống kê có thể thấy, thuộc tính dễ kết dính của sợi tơ được cả hai nhà thơ sử dụng với tần suất nhiều nhất. Đến thuộc tính thứ hai - thuộc tính vật chất của sợi tơ, nhà thơ Nguyễn Bính có số lượt sử dụng nhiều hơn 2 lượt. Tiếp đó, thuộc tính dễ đứt đoạn của sợi tơ được nhà thơ Nguyễn Du có số lượt sử dụng là 08/32, nhiều hơn 3 lượt. Thuộc tính độ chín của sợi tơ chỉ xuất hiện trong Truyện Kiều của nhà thơ Nguyễn Du, không xuất hiện trong thơ Nguyễn Bính.

2.1.1.1. Thuộc tính dễ kết dính

Vận dụng thuộc tính dễ kết dính của sợi tơ để tạo lập ẩn dụ ý niệm về tình yêu, hai nhà thơ Nguyễn Du và Nguyễn Bính cùng có những điểm chung nhưng cũng có những điểm riêng trong cách biểu đạt. Cụ thể:

Bảng 2. Trạng thái vương của sợi tơ trong Truyện Kiều và trong thơ Nguyễn Bính

Truyện Kiều				Thơ Nguyễn Bính			
Trạng thái động		Trạng thái tĩnh		Trạng thái động		Trạng thái tĩnh	
Số lượng/20	Tỉ lệ %	Số lượng/20	Tỉ lệ %	Số lượng/21	Tỉ lệ %	Số lượng/21	Tỉ lệ %
07	35	13	65	15	71	06	29

Với Nguyễn Du, nhà thơ là người có tư tưởng tiến bộ trong thời đại ấy. Tuy nhiên, ông cũng là người xuất thân Nho học cho nên tư tưởng dù tiến bộ nhưng phong cách sáng tác thơ ca vẫn chưa thoát khỏi lối ước lệ tượng trưng của thơ ca thời kì trung đại. Chính vì vậy, mặc dù thuộc tính kết dính của sợi tơ được Nguyễn Du vận dụng rất hiệu quả để tạo ra các hình ảnh tạo hình đa dạng của sợi tơ: *sợi tơ, tơ lòng, tơ đào, tơ tình, tơ mảnh, tơ hồng* nhưng trạng thái vương tơ đa số là trạng thái tĩnh. Chẳng hạn:

- *Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,*
Dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng
 - *Dầu rằng sông cạn đá mòn,*
Con tằm đến thác hãy còn vương tơ !

Với Nguyễn Bính, nhà thơ không tạo được sự đa dạng về hình ảnh biểu hiện cụ thể của sợi tơ từ thuộc tính kết dính giống như Nguyễn Du. Thơ ông chỉ xuất hiện ba hình ảnh: *sợi tơ, tơ lòng, tơ vương* một cách khiêm tốn. Khác với lối biểu đạt trong thơ của Nguyễn Du, trạng thái vương tơ trong thơ Nguyễn Bính lại thường gắn với những hình ảnh động, những sự chủ động. Ví dụ:

- *Mắt quàng, tóc rối, tơ vương/ Em còn cho chị lược gương làm gì !*
 (Lỡ bước sang ngang)
 - *Lâu nay tôi thấy ở lòng tôi/ Như có tơ vương đến một người.*

(Vân vơ)

Qua ví dụ có thể thấy, chủ thể ở cả hai ví dụ đều là hình tượng cụ thể và đang trong trạng thái động: suy tư. Có thể thấy, đây cũng là một trong những nét riêng trong cách ý niệm hoá tình yêu của Nguyễn Bính qua thuộc tính kết dính của sợi tơ.

2.1.1.2. Thuộc tính vật chất

Thuộc tính vật chất của sợi tơ khiến chúng ta có thể nhìn thấy, cảm nắm được sợi tơ. Chính vì vậy, hai tác giả đều sử dụng thuộc tính này của sợi tơ để biểu đạt một số trạng thái biểu hiện của tình yêu.

Bảng 3. Thuộc tính vật chất của sợi tơ thể hiện qua ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ trong Truyện Kiều và trong thơ Nguyễn Bính

Truyện Kiều				Thơ Nguyễn Bính			
Hình ảnh sợi tơ rối		Hình ảnh khác		Hình ảnh sợi tơ rối		Hình ảnh khác	
Số lượng/06	Tỉ lệ %	Số lượng/06	Tỉ lệ %	Số lượng/08	Tỉ lệ %	Số lượng/08	Tỉ lệ %
06	100	0	0	06	75	02	25

Với Nguyễn Du, nhà thơ sử dụng hình ảnh sợi tơ rối để lột tả trạng thái tình yêu đi vào bế tắc. Câu thơ sau tiếp nối ý câu thơ trước, ý thơ sau cộng hưởng với ý câu thơ trước, ý nọ bồi ý kia để tạo nên sức nặng trong việc biểu đạt trạng nổi sầu trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- *Mối tình đòi đoạn vò tơ,/ Giấc hương quan luống lẫn mơ canh dài.*
 - *Càng trông mặt, càng ngăn ngơ,/ Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.*

Cũng giống như nhà thơ Nguyễn Du, Nguyễn Bính cũng sử dụng hình ảnh sợi tơ rối để biểu đạt một trạng thái biểu hiện của tình yêu.

Lòng tôi rối những tơ đàn,/ Bay cao những ước, đầy tràn những mơ

(Tình tôi)

Tuy nhiên, nhà thơ còn vận dụng thuộc tính vật chất của sợi tơ tạo nên những hình ảnh thơ sinh động khác để biểu đạt các trạng thái khác nhau của tình yêu: Hi vọng nhẹ nhàng, nghi ngờ trách móc cũng nhẹ tênh, đầy lãng mạn.

- *Tơ lòng mấy sợi mong manh,/ Biết anh có dệt nên hình gì không*

(Ngu Lang Chúc Nữ)

- *Vì chẳng nhớ có như tơ nhĩ/ Anh thử quay xem được mấy vòng* (Nhớ)

Nguyễn Bính là nhà thơ mang tâm hồn truyền thống của dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, thơ ông mang hơi thở truyền thống nhưng cũng chứa chất tinh thần thời đại: Tinh thần Thơ mới.

2.1.1.3. Thuộc tính đứt đoạn

Thuộc tính đứt đoạn của sợi tơ được hai tác giả sử dụng để biểu đạt tình duyên lỡ dở của tình yêu được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 4. Thuộc tính đứt đoạn của sợi tơ thể hiện qua ẩn dụ niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ trong Truyện Kiều và trong thơ Nguyễn Bính

Truyện Kiều				Thơ Nguyễn Bính			
Thuộc tính đứt đoạn		Cách biểu đạt khác		Thuộc tính đứt đoạn		Cách biểu đạt khác	
Số lượng/5	Tỉ lệ %	Số lượng/5	Tỉ lệ %	Số lượng/5	Tỉ lệ %	Số lượng/5	Tỉ lệ %
4	80	1	20	1	20	4	80

Với Nguyễn Du, ông sử dụng thuộc tính dễ đứt đoạn của sợi tơ để biểu đạt sự lỡ dở tình duyên. Lời thơ mang tính trần thuật và độc giả hiểu được nội dung câu chuyện qua lời kể của tác giả chân thật, không hoa mỹ. Tâm trạng của nhân vật trữ được khắc họa theo chiều sâu.

- *Duyên đâu, ai đứt tơ đào,/ Nợ đâu, ai đã giắt vào tận tay.*

- *Còn chi nữa cánh hoa tàn,/ Tơ lòng đã đứt dây đứt dây dần Tiêu Lân.*

Ở hai ví dụ trên, sợi tơ đã được tác giả cụ thể hoá thành hình ảnh *tơ lòng*, *tơ đào* với trạng thái tồn tại đã *đứt* để biểu đạt thực tại tình yêu đã tan vỡ. Hình ảnh sợi tơ đứt đoạn từ trong ra ngoài để biểu đạt sự tổn thương sâu sắc trong tâm can nhân vật trữ tình.

Với Nguyễn Bính, nhà thơ không chỉ sử dụng cách thức trau chuốt này để biểu đạt sự chia đôi sẻ nửa của tình yêu mà còn sử dụng cơ chế khác nữa.

Ruột tằm đứt cả tơ vương,/ Ái ân sang đến nửa đường lại thôi. (Gặp nhau)

Ở ví dụ này, Nguyễn Bính vẫn sử dụng thuộc tính dễ đứt đoạn của sợi tơ để nói đến sự tan vỡ của tình duyên thể hiện ở nửa đầu của câu thơ. Tuy nhiên, ở nửa sau của câu thơ: *Ái ân sang đến nửa đường lại thôi* ta thấy tác giả sử dụng cơ chế nhân hoá để biểu đạt tình yêu. Người đọc thấy được tình yêu giống như một cơ thể sống, có sự chủ động, có lí trí. Đây chính là hơi thở của tinh thần Thơ mới được thể hiện qua thơ Nguyễn Bính. Ở các ví dụ sau:

- *Nàng đi còn có bao giờ,/ Ngoảnh trông lại kẻ xe tơ lỡ làng.* (Lỡ duyên)

- *Nàng nghĩ: “Vương chi tơ trắng nữa,/ Tơ hồng ta sớm lỡ xe dây”* (Tơ trắng)

Cũng là nói đến tình duyên đứt đoạn nhưng Nguyễn Bính đã sử dụng kết hợp hai kiểu ẩn dụ niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ và TÌNH YÊU LÀ VIỆC DỆT VẢI để biểu đạt. Lối diễn đạt qua hình ảnh *kẻ xe tơ lỡ làng*, *lỡ xe dây* cho thấy hồn cốt thơ Nguyễn Bính đậm chất dân dã, nông thôn: hình ảnh sợi tơ, công việc xe tơ dệt vải, nhưng tinh thần thơ Nguyễn Bính lại giàu chất lãng mạn, đậm chất thơ, mang tinh thần thời đại, đúng hơi thở của Thơ mới Việt Nam giai đoạn 1932-1945.

2.1.1.4. Thuộc tính độ chín

Thuộc tính độ chín của sợi tơ được Nguyễn Du sử dụng để biểu đạt độ tuổi đẹp nhất để trao duyên của người con gái.

Nuôi con những ước về sau,/ Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi.

Sự xuất hiện của thuộc tính này cho thấy nét độc đáo thể hiện tư duy sáng tạo của riêng nhà thơ Nguyễn Du.

2.1.2. Cơ chế kết hợp

Kết hợp là cơ chế được vận dụng phổ biến nhất mà ở đó người viết sử dụng hai hay hơn hai ẩn dụ vào một phạm vi hẹp của văn bản thơ ca (có thể là cùng một dòng thơ, một khổ thơ, một bài thơ) (Kövecses, 2010, tr.47-50). Trong quá trình sáng tạo, cả hai nhà thơ Nguyễn Du và Nguyễn Bính đều vận dụng cơ chế kết hợp trong sáng tạo ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ. Tuy nhiên, mỗi nhà thơ lại có cách gia giảm khác nhau để tạo nên những phong cách thơ khác nhau. Cơ chế kết hợp được hai nhà thơ vận dụng để tạo ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ được cụ thể hoá như sau:

Bảng 5. Cơ chế kết hợp được thể hiện qua ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ trong Truyện Kiều và trong thơ Nguyễn Bính

Truyện Kiều				Thơ Nguyễn Bính			
Có cơ chế kết hợp		Không có cơ chế kết hợp		Có cơ chế kết hợp		Không có cơ chế kết hợp	
Số lượng/32	Tỉ lệ %	Số lượng/32	Tỉ lệ %	Số lượng/31	Tỉ lệ %	Số lượng/31	Tỉ lệ %
07	21,88	25	78,12	28	90,3	3	9,7

Qua bảng tổng hợp có thể thấy, nhà thơ Nguyễn Bính gần như sử dụng cơ chế kết hợp ở tất cả các biểu thức chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ, có 28/31 biểu thức có sự xuất hiện của cơ chế kết hợp, chiếm 90,3%. Trong khi đó, nhà thơ Nguyễn Du lại sử dụng khá ít cơ chế kết hợp trong các biểu thức thơ có chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ, có 07/32 biểu thức có sự xuất hiện của cơ chế kết hợp, chiếm 21,88%.

2.1.2.1. Cơ chế kết hợp trong Truyện Kiều

Với Nguyễn Du, trước hết, nhà thơ sử dụng hai lối kết hợp giữa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ với TÌNH YÊU LÀ CĂN BỆNH:

Càng trông mặt, càng ngăn ngơ;/ Ruột tâm đòi đoạn như tơ rối bời.

Sự kết hợp của hai kiểu ẩn dụ ý niệm không những thể hiện được tâm trạng rối bời bên trong nhân vật trữ tình mà còn lột tả được tâm trạng rối bời đến mức mất phương hướng thể hiện luôn ra trên khuôn mặt nhân vật trữ tình: *ngăn ngơ*. Biểu hiện này giống như một người mắc bệnh, đờ đẫn về tình thần bơ phờ trên thể xác.

Nhà thơ còn sử dụng cơ chế kết hợp giữa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ với ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ CÂY CỎ.

Còn chi nữa cánh hoa tàn,/ Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân.

Cánh hoa tàn vốn đã là đồ bỏ đi cộng thêm với hiện trạng không có cả sự sống thì đó là sự kết hợp hoàn hảo để biểu đạt một kết cục bi thảm của nhân vật trữ tình. Sự kết hợp của hai kiểu ẩn dụ ý niệm này đã lột tả trạng thái triệt để tuyệt vọng của nhân vật trữ tình.

2.1.2.2. Cơ chế kết hợp trong thơ Nguyễn Bính

Cơ chế kết hợp được nhà thơ Nguyễn Bính sử dụng phổ biến trong các biểu thức chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ. Đó là sự kết hợp của ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ với ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ CÔNG VIỆC DỆT VẢI.

*Thì ra chỉ có thể mà thôi ?/ Yêu đấy, không yêu đấy, để rồi
Mắc hăn đường tơ sang kẻ khác/Dệt từng tâm mộng để dâng ai*

(Vâng)

Sự kết hợp giữa hai kiểu ẩn dụ ý niệm này càng nhấn mạnh sự thất vọng và buồn chán của nhân vật trữ tình khi tình yêu dành cho mình không còn nữa. Xe tơ và dệt vải vốn là công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, trau chuốt từng chút một. Càng chú tâm dệt bao nhiêu thì càng thất vọng bấy nhiêu khi kết quả không lại hoàn không.

Sự kết hợp giữa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TỜ với ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH cũng là một trong những sáng tạo của nhà thơ xuất hiện trong thơ Nguyễn Bính.

Tưởng rằng bền, ngỡ rằng lâu/ Lửa giàu sang đốt cháy cầu tơ duyên

(Tôi còn nhớ lắm)

Sự xuất hiện của hình ảnh: *Lửa giàu sang* đã là một trở ngại trên hành trình đến đích của tình yêu khiến tình duyên đứt đoạn. Bản chất của sợi tơ là mỏng manh và dễ cháy. Chính vì vậy, sự kết hợp của hai kiểu ẩn dụ ý niệm này càng khắc hoạ rõ nét sự mong manh của tình yêu và sự thất vọng với tình yêu của nhân vật trữ tình.

Nhà thơ Nguyễn Bính còn sử dụng sự kết hợp giữa ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ* với hoán dụ ý niệm *ĐỎ MẶT LÀ BIỂU HIỆN CỦA TÌNH YÊU*.

Lòng thấy giăng tơ một mối tình/ Em ngừng tay lại giữa thoi xinh

Hình như hai má em bừng đỏ/ Có lẽ là em nghĩ đến anh (Mưa xuân)

Sự kết hợp này càng làm rõ nét hơn mối tình mới bén trong tâm hồn cô thiếu nữ mới lớn với những rung cảm đầu tiên. Trạng thái *giăng tơ* chỉ sự khởi đầu, hình ảnh *hai má em bừng đỏ* biểu hiện của sự e thẹn, ngượng ngịu của cô gái mới biết yêu. Biểu hiện nọ nối tiếp biểu hiện kia theo đúng quy luật tự nhiên của con người nhằm nhấn mạnh sự khởi đầu, sự non tơ, sự nhen nhóm của một mối tình.

2.2. Các thuộc tính chiếu xạ từ miền nguồn *SỢI TƠ* đến miền đích *TÌNH YÊU*

2.2.1. Bản chất của sợi tơ

Cả hai nhà thơ Nguyễn Du và Nguyễn Bính đều nhận thấy nét tương đồng giữa miền nguồn *SỢI TƠ* và miền đích *TÌNH YÊU*. Chính vì vậy, hai tác giả đã sử dụng một số thuộc tính của sợi tơ để biểu đạt trạng thái tồn tại của tình yêu. Tuy nhiên, mỗi nhà thơ lại có một lối cụ thể hoá các thuộc tính một cách riêng biệt để tạo nên giá trị thơ và phong cách thơ khác nhau giữa hai tác giả. Cách vận dụng bản chất sợi tơ của hai nhà thơ được cụ thể hoá qua bảng tổng hợp sau:

Bảng 6. Các thuộc tính được chiếu xạ từ miền nguồn *SỢI TƠ* đến miền đích *TÌNH YÊU* trong *Truyện Kiều* và trong thơ Nguyễn Bính

STT	Các thuộc tính được chiếu xạ	Truyện Kiều		Thơ Nguyễn Bính	
		Số lượng/32	Tỉ lệ %	Số lượng/31	Tỉ lệ %
1	tơ/sợi tơ	17	53,1	17	54,8
2	tơ duyên	02	6,3	04	12,9
3	tơ lòng	02	6,3	01	3,2
4	tơ hồng	01	3,1	01	3,2
5	tơ đào	01	3,1	0	0
6	tơ tình	01	3,1	0	0
7	tơ mảnh	01	3,1	0	0
8	tơ trắng	0	0	01	3,2

Có thể nhận thấy, hai nhà thơ đã cụ thể hoá hình ảnh sợi tơ thành những biểu tượng biểu đạt tình yêu rất phong phú và đa dạng với các tần suất sử dụng khác nhau.

* Với nhà thơ Nguyễn Bính, từ những thuộc tính thuộc bản chất của sợi tơ, nhà thơ đã tạo được 5 biểu tượng để biểu đạt tình yêu trong thơ của mình. Có thể thấy, các trạng thái tình yêu được biểu đạt trong thơ Nguyễn Bính qua hình tượng sợi tơ gồm có:

- Sự bén duyên - sự khởi đầu trong tình yêu:

Lòng thấy giăng tơ một mối tình,/ Em ngừng tay lại giữa thoi xinh. (Mưa xuân)

- Trạng thái tương tư trong tình yêu:

Đầu bù trở lại kinh đô,/ Tơ vương chín mối, sầu cho một lòng.

(Đoá hoa hồng)

- Trạng thái lỡ dở của tình yêu:

Tơ duyên đến thế là thôi,/ Thế là uống cả một đời tài hoa. (Dòng dư lệ)

Nàng nghĩ: “Vương chi tơ trắng nữa,/ Tơ hồng ta sớm lỡ xe dây”. (Tơ trắng)

Trong các trạng thái biểu đạt của tình yêu trong thơ Nguyễn Bính, trạng thái lơ dờ tình yêu chiếm số lượng lớn nhất: 22/31 biểu thức thơ có chứa ẩn dụ ý niệm về tình yêu. Còn lại, trạng thái tương tư chiếm 6/31 biểu thức, trạng thái bắt đầu của tình yêu có 3/31 biểu thức. Chúng tôi cụ thể hoá qua bảng sau:

Bảng 7. Các trạng thái TÌNH YÊU được biểu đạt trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ trong thơ Nguyễn Bính

STT	Trạng thái tình yêu được biểu đạt	Số lượng/31	Tỉ lệ %
1	sự lơ dờ của tình yêu	22	67,7
2	sự tương tư trong tình yêu	06	22,6
3	sự khởi đầu của tình yêu	03	9,7
Tổng		31	100

Trong các sáng tác của mình, nhà thơ Nguyễn Bính sử dụng hình ảnh sợi tơ như một công cụ để biểu đạt tâm trạng của nhân vật trữ tình. Giọng điệu thơ nhẹ nhàng, man mác, lãng mạn mang đặc trưng của tinh thần Thơ mới.

Với nhà thơ Nguyễn Du, từ bản chất của sợi tơ, nhà thơ đã tạo ra 8 biểu tượng để biểu đạt tình yêu trong Truyện Kiều. Các trạng thái tình yêu được biểu đạt trong Truyện Kiều đa dạng hơn, sâu hơn các trạng thái tình yêu trong thơ Nguyễn Bính. Các trạng thái biểu đạt của tình yêu trong Truyện Kiều của Nguyễn Du được chúng tôi cụ thể hoá qua bảng sau:

Bảng 8. Các trạng thái TÌNH YÊU được biểu đạt trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ trong thơ Truyện Kiều

STT	Trạng thái tình yêu được biểu đạt	Số lượng/32	Tỉ lệ %
1	sự lơ dờ của tình yêu	12	37,5
2	sự tương tư trong tình yêu	09	28,1
3	lời thề trong tình yêu	06	18,8
4	kết duyên	05	15,6
Tổng		31	100

Với Nguyễn Du, hình ảnh sợi tơ giống như một phương tiện nghệ thuật để nhà thơ tạo hình và gửi gắm tình cảm của cá nhân mình vào đó thông qua các trạng thái cảm xúc, các cung bậc tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Chẳng hạn, khi nói đến trạng thái tình duyên đứt quãng, nhà thơ Nguyễn Bính viết:

Tơ duyên đến thế là thôi,/ Thề là uống cả một đời tài hoa. (Dòng dư lệ)

Hà Nội ba mươi sáu phố phường,/ Lòng chàng đã đứt một tơ vương.

(Hà Nội ba mươi sáu phố phường)

Ta thấy sự lơ duyên được nói đến rất nhẹ nhàng: hết duyên duyên chạy, cạn tình tình bay mà thôi. Nội dung của hai ví dụ trên có tính chất thông báo hơn là thể hiện tâm trạng, trạng thái cảm xúc. Với nhà thơ Nguyễn Du, lơ duyên có cách diễn đạt hoàn toàn khác:

Hỡi ơi, nói hết sự duyên/ Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.

Hay là:

Còn chi nữa, cánh hoa tàn,/ Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân.

Hai ví dụ này hình ảnh sợi tơ không chỉ được khai thác theo dạng thức bề ngoài mà còn được khai theo chiều sâu bên trong của nó. Bản thân sợi tơ tuy nó mong manh nhưng nó cũng được tạo bởi vô vàn các sợi khác nhỏ hơn nó. Và trong các sợi nhỏ đó vẫn có những sợi nhỏ, chính, là những sợi lõi. Nhà thơ Nguyễn Du sáng tạo ra hình ảnh *tơ tình*, *tơ lòng* với trạng thái đứt, đứt từ trong ra ngoài đồng nghĩa với việc nhân vật trữ tình đau vật vã với những nội thương trong sâu thẳm tâm can rồi biểu hiện ra bên ngoài. Bên cạnh đó, nhà thơ Nguyễn Du còn sử dụng kết hợp với các từ ngữ khác như: *cháy gan*, *cánh hoa tàn*... khiến cho nỗi đau càng bị bồi thêm đau và nhân vật trữ tình đau đớn, thất vọng đến cực điểm.

2.2.2. Đối tượng kết nối

Có thể nói rằng, đối tượng kết nối trong thơ Nguyễn Bính xuất hiện trong các biểu thức chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ chủ yếu là *anh, em*. Ngoài ra, một số đối tượng khác như *nàng, chàng...* cũng xuất hiện nhưng tần suất không nhiều. Đối với Truyện Kiều của Nguyễn Du, đối tượng kết nối là *chàng, nàng* và còn một số đối tượng khác mang hơi thở của thơ ca trung đại cũng xuất hiện: *con nhện, con tằm,...* Các đối tượng kết nối được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 9. Đối tượng kết nối trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ trong Truyện Kiều và trong thơ Nguyễn Bính

STT	Đối tượng kết nối	Truyện Kiều		Thơ Nguyễn Bính	
		Số lượng/32	Tỉ lệ %	Số lượng/31	Tỉ lệ %
1	anh	0	0	06	19,4
2	em	01	3,1	02	6,5
3	chàng	03	9,38	01	3,2
4	nàng	03	9,38	01	3,2
5	con nhện	01	3,1	01	3,2
6	con	01	3,1	0	0
7	giống hữu tình	01	3,1	0	0
8	con tằm	01	3,1	0	0
9	tinh quân	01	3,1	0	0

Đối tượng kết nối trong Truyện Kiều của Nguyễn Du phong phú hơn. Tuy nhiên, nhìn vào các đối tượng kết nối đó ta thấy đó cách xưng hô mang hơi thở của thời kì trung đại. Đối tượng kết nối trong thơ Nguyễn Bính cho thấy chất mới của thơ ca thời kì hiện đại. Nguyễn Bính là nhà thơ của làng quê Việt Nam làm thơ với tinh của thần thơ thời đại mới nhưng trong thơ ông chất truyền thống vẫn in đậm nét. Vì vậy, đối tượng kết nối cũng xuất hiện hình ảnh *chàng* và *nàng* - đặc trưng của cách xưng hô trong thời kì xã hội phong kiến.

Hình ảnh *chàng, nàng* xuất hiện trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

- *Duyên Đàng thuận nẻo gió đưa,/ Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.*
- *Nàng còn đứng tựa hiên tây,/ Chín hồi vẫn vút như vút mối tơ.*

Hình ảnh *chàng, nàng* trong thơ Nguyễn Bính:

- *Hà Nội ba mươi sáu phố phường/ Lòng chàng đã đứt một tơ vương*
(Hà Nội ba mươi sáu phố phường)
- *Nàng đi còn có bao giờ,/ Ngoảnh trông lại kẻ xe tơ lỡ làng.*
(Lỡ duyên)

Nhưng không chỉ dừng lại ở hình thức *chàng - nàng*, ta còn thấy xuất hiện cặp tình nhân *nàng - kẻ xe tơ* đầy chất thơ. Nếu trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, nhà thơ sử dụng cặp từ *chàng - thiếp, chàng - nàng*, là đặc trưng xưng hô của xã hội phong kiến thì đến Nguyễn Bính, nhà thơ không chỉ gọi đôi tình nhân là *chàng - nàng* theo lối truyền thống mà còn thêm các cách xưng hô mới như *kẻ si tình, người sử nữ, anh, em...* Có thể thấy, cách xưng hô ấy là yếu tố thời đại Thơ mới thể hiện tinh thần thơ mới chất chứa nhiều yếu tố lãng mạn.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, thơ tình Nguyễn Bính và Truyện Kiều của Nguyễn Du đều chất chứa các cung bậc cảm xúc của tình yêu. Tuy nhiên, mỗi nhà thơ lại có một phong cách biểu đạt tình yêu riêng của mình để tạo nên chất riêng của mỗi nhà thơ. Thêm vào đó, hai nhà thơ thuộc hai thời đại, hai thể hệ thơ khác nhau cho nên tư duy thơ có những nét khác biệt nhau rõ rệt. Điều này được thể hiện khá rõ qua cách tạo lập ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ.

Với nhà thơ Nguyễn Bính, hồn thơ của ông là những sự bộc bạch những tình cảm, bộc lộ cảm xúc, tình người ở mức độ cùng hiểu nhau, tình cảm chân chất, không khoa trương, không hoa mỹ, đơn giản, nhẹ nhàng. Chính vì vậy, nhà thơ thể hiện tài năng của mình qua việc xây dựng các hình ảnh

thơ theo chiều rộng, không trau chuốt cầu kì, không đầu tư theo chiều sâu. Người đọc nhìn là thấy ngay những điều nhà thơ muốn nói, muốn hướng đến, muốn truyền tải. Nét nổi bật nhất của thơ tình Nguyễn Bính so với Truyện Kiều của Nguyễn Du đó là tinh thần thời đại được tiếp thu từ tinh thần thơ ca phương Tây, gọi là tinh thần của Thơ mới. Nguyễn Bính giống như một người trồng hoa với thói quen trồng nhiều loại hoa trong một khu vườn của nhà mình.

Với nhà thơ Nguyễn Du, Truyện Kiều là tiếng lòng tri âm, là tiếng lòng của sự thấu hiểu, đồng cảm và chia sẻ của nhà thơ với năng lực vật trử tình của mình. Nhà thơ không phô trương khả năng của mình bằng các thao tác tạo lập ẩn dụ, cách tạo dựng hình ảnh thơ mà khẳng định chiều sâu của tài năng qua cách thức trau chuốt kĩ ngôn từ kĩ lưỡng, kĩ công. Vì vậy, đọc những đoạn thơ mang nặng tâm trạng của nhân vật trử tình trong Truyện Kiều, độc giả không phải chỉ lướt qua một vài lần là có thể hiểu được. Người đọc phải đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc thêm điển cố điển tích, đọc chú giải mới có thể hiểu đúng ý đồ mà nhà thơ gửi gắm. Có thể nói, Nguyễn Du là một người thợ trồng hoa và chỉ trồng duy nhất một loại hoa trong khu vườn lớn của nhà mình.

**Bài viết là sản phẩm của đề tài NCKH mã số: PU2023-1-C-01 được tài trợ bởi Đại học Phenikaa.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động xã hội.
2. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2015), *Ẩn dụ tri nhận trong ca từ Trịnh Công Sơn*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Lê Thị Ánh Hiền (2009), *Ẩn dụ trong thi pháp dưới góc nhìn của G.Lakoff và M. Turner*, Luận văn thạc sĩ ngữ văn, Trường Đại học KHXH &NV Tp. Hồ Chí Minh.
4. Phan Văn Hòa, Hồ Trịnh Quỳnh Thư (2011), “Ẩn dụ ý niệm ‘tình yêu là cuộc hành trình’ trong tiếng Anh và tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, số 9, tr.15-19.
5. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, (tái bản, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Phương Đông.
6. Nguyễn Đức Tồn (2015), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa-dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, Nxb KHXH.

Tiếng Anh

7. Kövecses, Z. (2002), *METAPHOR A practical Introduction*, Oxford University Press.
8. Lakoff, G (1993), “The Contemporary Theory of Metaphor”, *Metaphor and Thought*, 2nd Edition, Cambridge University Press, tr.202-251.

Tư liệu khảo sát

1. Nguyễn Bính toàn tập (2009), Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Lê Văn Hoè (2024), *Truyện Kiều chú giải* (Tái bản), Nxb Văn học, Hà Nội.

Nguyen Du and Nguyen Binh: The unique nuances in the creation of the conceptual metaphor “LOVE IS A SILK THREAD”

Abstract: Nguyễn Du and Nguyễn Bính were two poets with distinct styles. However, their poetic imaginations converged in their shared use of the conceptual metaphor “LOVE IS A SILK THREAD”. This article explores how both poets used the attributes of silk threads and selected projection properties to create this conceptual metaphor, highlighting similarities and differences in their creative processes.

Key words: Conceptual metaphor; love; poets; thread; Nguyen Du; Nguyen Binh.